

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 27/2023/DS-ST

Ngày: 29 - 6 - 2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê;

2. Ông Trương Hữu Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-DS ngày 14/3/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 10/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Th; Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Y J Niê, bà H Th Mlô.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H; Có mặt.

Địa chỉ: Số 420 H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày: Quá trình quen biết làm ăn với

nhau năm 2018 ông Y J Niê, bà H Th Mlô có nợ tiền của tôi số tiền là 374.000.000 đồng; do chưa trả được nợ nên có viết giấy nợ và hẹn đến ngày 14/2/2019 trả. Lãi suất thỏa thuận ngoài là 2%/tháng, đến nay đã quá hạn nhưng ông Y J Niê, bà H Th Mlô không trả nợ cho tôi. Vậy tôi khởi kiện yêu cầu ông Y J Niê, bà H Th Mlô phải trả cho tôi tổng số tiền 601.392.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 374.000.000 đồng, nợ lãi là 227.392.000 đồng (lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 04/3/2022) và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong nợ.

Về ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày là hết thời hiệu nên không đồng ý trả lãi thì tôi không đồng ý. Tôi có cung cấp thêm 01 Giấy vay tiền ngày 13/6/2019 để chứng minh việc thỏa thuận và hẹn nợ lại của vợ chồng ông Y J Niê, bà H Th Mlô với tôi vào ngày 13/6/2019. Giấy vay tiền ngày 13/6/2019 là do chính tôi viết tại nhà ông Y J, bà H Th vì vợ chồng ông Y J, bà H Th hẹn trả nợ cho tôi nhưng không trả nên tôi vào nhà Y J; có con gái của Y J ở nhà; tôi lập lại giấy vay tiền chăm sóc cả phê chốt lại số nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 13/6/2019 là 441.320.000 đồng và hẹn đến ngày 15/12/2019 trả đủ. Nhưng cho đến nay vẫn không chịu trả cho tôi. Giấy vay tiền chăm sóc cả phê ngày 13/02/2019 và Giấy vay tiền chăm sóc cả phê ngày 13/6/2019 là của cùng một khoản nợ. Vì vậy, tôi khởi kiện theo giấy trước là Giấy vay tiền chăm sóc cả phê đề ngày 13/02/2019 với số tiền gốc là 374.000.000 đồng. Còn phía bị đơn không thừa nhận chữ ký thì đề nghị chứng minh không phải là chữ ký của họ. Tôi yêu cầu tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk để đảm bảo thi hành án.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Huy H trình bày:
Về Giấy vay tiền đề ngày 13/02/2019 thì vợ chồng ông Y J Niê, bà H Th Mlô thừa nhận đúng là chữ ký của họ và họ xác nhận nội dung có nợ của bà Th số tiền nợ gốc là 374.000.000 đồng; tuy nhiên, theo nội dung thỏa thuận trong giấy vay tiền thể hiện thời hạn trả nợ là vào ngày 14/02/2019 tính đến nay đã hơn 03 năm kể từ ngày thỏa thuận trả nợ. Ngày 13/02/2019 là ngày dương lịch không phải là ngày âm lịch. Vì vậy theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi trong trường hợp này sẽ không được áp dụng vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, phía bị đơn chỉ chấp nhận trả số tiền nợ gốc là 374.000.000 đồng cho bà Th, còn lãi thì không đồng ý trả. Đối với Giấy vay tiền chăm sóc cả phê đề ngày 13/6/2019 mà bà Th mới cung cấp cho Tòa án thì bị đơn không thừa nhận giấy này; vì giấy này không liên quan đến Giấy vay tiền chăm sóc cả phê ngày 13/02/2019, không cùng một khoản nợ. Và khoản nợ theo Giấy vay tiền chăm sóc cả phê ngày 13/6/2019 thì bị đơn không được nhận số tiền này từ bà Th. Bị đơn chỉ có nợ của bà Th số tiền

gốc là 374.000.000 đồng, ngoài ra không còn nợ khoản tiền nào nữa. Đối với kết luận giám định chữ ký thì bị đơn không yêu cầu giám định lại. Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk thì tôi không đồng ý vì số tiền nợ gốc mà nguyên đơn bà Th khởi kiện là 374.000.000 đồng nhỏ hơn giá trị quyền sử dụng đất mà bà Th yêu cầu phong tỏa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 374.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Th yêu cầu bị đơn ông Y J Niê, bà H Th Mlô phải trả cho bà Th tổng số tiền 601.392.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 374.000.000 đồng, nợ lãi là 227.392.000 đồng (lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 04/3/2022) và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong nợ.

[2.1] Về số nợ gốc, ông Y J Niê, bà H Th Mlô thừa nhận chữ ký dưới mục “Người vay” trong Giấy vay tiền chăm sóc cà phê ngày 13/02/2019 là của ông Y J Niê, bà H Th Mlô; ông Y J Niê, bà H Th Mlô xác nhận còn nợ của bà Th số tiền 374.000.000 đồng và đồng ý sẽ trả số tiền này. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Th về việc buộc bị đơn ông Y J Niê, bà H Th Mlô phải trả số tiền nợ gốc 374.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi, ông Y J Niê, bà H Th Mlô không đồng ý trả lãi vì cho rằng theo Giấy vay tiền chăm sóc cà phê ngày 13/02/2019 thì thời hạn trả nợ là

vào ngày 14/02/2019 tính đến nay đã hơn 03 năm kể từ ngày thỏa thuận trả nợ, vì vậy đã hết thời hiệu khởi kiện nên đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi thì ông Y J Niê, bà H Th Mlô không đồng ý trả.

Về phía nguyên đơn bà Th cung cấp bổ sung 01 Giấy vay tiền chăm sóc cà phê ngày 13/6/2019 giữa hai bên để chứng minh việc thỏa thuận nợ và hẹn nợ của ông Y J Niê, bà H Th Mlô. Giấy vay tiền ngày 13/6/2019 thể hiện nội dung ông Y J Niê, bà H Th Mlô vay của bà Th số tiền 441.320.000 đồng, hẹn trả ngày 15/12/2019. Nguyên đơn bà Th trình bày do đến hạn trả nợ mà ông Y J Niê, bà H Th Mlô không trả nên bà Th có đến nhà ông Y J Niê, hai bên lập thêm giấy vay tiền chăm sóc cà phê chốt lại số nợ cả gốc và lãi tính đến cuối năm 2019 là 441.320.000 đồng và hẹn đến ngày 15/12/2019 trả đủ; việc tính lãi như sau: $374.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng (lãi tính trong 01 năm vì hạn trả là đến ngày 15/12/2019)} \times 1\%/\text{tháng} = 441.320.000 \text{ đồng}$. Giấy vay tiền chăm sóc cà phê ngày 13/02/2019 và Giấy vay tiền chăm sóc cà phê ngày 13/6/2019 là của cùng một khoản nợ; khi khởi kiện bà Th căn cứ vào Giấy vay ngày 13/02/2019 để kiện vì giấy nợ này là nợ gốc và là giấy ban đầu.

Phía bị đơn cho rằng chữ ký trong Giấy vay tiền chăm sóc cà phê đề ngày 13/6/2019 không phải chữ ký của bị đơn vì vậy đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký. Tại Kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 12/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận có nội dung:

Chữ ký, chữ viết Y J Niê dưới mục “Người vay” trên Giấy vay tiền chăm sóc cà phê ngày 13/6/2019 so với chữ ký, chữ viết Y J Niê trên mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết H Th Mlô dưới mục “Người vay” trên Giấy vay tiền chăm sóc cà phê ngày 13/6/2019 so với chữ ký, chữ viết H Th Mlô trên mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Sau khi có Kết luận giám định chữ ký, phía bị đơn cho rằng Giấy vay tiền chăm sóc cà phê đề ngày 13/6/2019 không liên quan đến khoản nợ của Giấy vay tiền chăm sóc cà phê ngày 13/02/2019 vì không cùng một khoản nợ; bị đơn chỉ nợ của bà Th số tiền gốc là 374.000.000 đồng, ngoài ra không còn nợ khoản tiền nào nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy Giấy vay tiền chăm sóc cà phê ngày 13/02/2019 và Giấy vay tiền chăm sóc cà phê ngày 13/6/2019 là cùng một khoản nợ; do đến hạn trả nợ nhưng ông Y J Niê, bà H Th Mlô chưa trả được nên hai bên ký lại Giấy vay tiền ngày 13/6/2019 với số tiền 441.320.000 đồng đã bao gồm số tiền nợ gốc

374.000.000 đồng. Tính đến ngày bà Thoa khởi kiện ngày 08/3/2022 là chưa quá 03 năm nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả khoản nợ lãi có căn cứ. Giấy vay tiền ngày 13/02/2019 thể hiện thời hạn và lãi suất vay nên thuộc trường hợp vay có thời hạn và có thỏa thuận về lãi suất; căn cứ Điều 357, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tính đến ngày xét xử lãi được tính cụ thể như sau:

$374.000.0000 \text{ đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 4 \text{ năm} 01 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 298.601.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số)

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Y J Niê, bà H Th Mlô phải trả cho bà Th tính đến ngày xét xử là: $374.000.0000 \text{ đồng} + 298.601.000 \text{ đồng} = 672.601.000 \text{ đồng}$.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thoả thuận 1,6%/tháng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Tiếp tục duy trì Biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để đảm bảo cho việc thi hành án theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 35, diện tích 27125,8m², tọa lạc tại thôn Ea Nguôi, xã Cư Né, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 578281 do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 13/7/2017, đứng tên ông Y J Niê, bà H Th Mlô; theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị quyết Số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[4] Về chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký:

Do kết quả giám định kết luận là chữ viết, chữ ký của ông Y J Niê, bà H Th Mlô nên ông Y J Niê, bà H Th Mlô phải chịu số tiền 6.500.000 đồng chi phí giám định chữ ký là phù hợp với quy định tại Điều 161, Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã chi phí xong).

[5] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Y J Niê, bà H Th Mlô phải chịu số tiền 30.904.000 đồng án

phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 2, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 19 Nghị quyết Số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th.

Buộc bị đơn ông Y J Niê, bà H Th Mlô phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th tổng số tiền 672.601.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm lẻ một nghìn đồng); Trong đó: Nợ gốc là 374.000.000 đồng và nợ lãi là 298.601.000 đồng.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thoả thuận 1,6%/tháng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký:

Buộc bị đơn của ông Y J Niê, bà H Th Mlô phải chịu số tiền 6.500.000 đồng chi phí giám định chữ ký (đã chi phí xong).

3. Tiếp tục duy trì Biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để đảm bảo cho việc thi hành án theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân

huyện Krông Búk đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 35, diện tích 27125,8m², tọa lạc tại thôn Ea Ngươi, xã Cư Né, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 578281 do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 13/7/2017, đứng tên ông Y J Niê, bà H Th Mlô.

4. Về án phí:

Bị đơn ông Y J Niê, bà H Th Mlô phải chịu số tiền 30.904.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th số tiền 14.027.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 60AA/2021/0007765 ngày 08/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Thái Văn Hải

